

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Bình Định đến năm 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 2072/QĐ-CTUBND ngày 13/9/2010 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;

Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;

Căn cứ Quyết định số 2072/QĐ-CTUBND ngày 13/9/2010 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Bình Định đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 157/TTr-SLĐTBXH ngày 07/10/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Bình Định đến năm 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 2072/QĐ-CTUBND ngày 13/9/2010 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung nội dung 3 và 4, Khoản I, Mục B:

- Thực hiện đào tạo theo nhu cầu học nghề của lao động nông thôn, nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và yêu cầu của thị trường lao động; gắn đào tạo nghề với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, đáp ứng nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp và giảm nghèo bền vững;

- Đổi mới và phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo. Tạo điều kiện thuận lợi để lao động nông thôn tham gia các chương trình đào tạo phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế đáp ứng yêu cầu hội nhập và từng bước tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới. Cơ sở tham gia đào tạo nghề phải có đủ điều kiện, được hoạt động giáo

dục nghề nghiệp; không tổ chức đào tạo nghề khi chưa dự báo được nơi làm việc và mức thu nhập của người lao động sau khi học;

2. Điều chỉnh, bổ sung Tiết c, Điểm 2, Khoản II, Mục B:

- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu cho khoảng 4.000 lượt cán bộ, công chức xã đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, quản lý kinh tế - xã hội thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn

3. Điều chỉnh, bổ sung Mục C:

I. Đối tượng

Lao động nông thôn từ đủ 15 tuổi đến 60 tuổi (đối với nam), 55 tuổi (đối với nữ), có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học, bao gồm:

a) Người lao động có hộ khẩu thường trú tại xã;

b) Người lao động có hộ khẩu thường trú tại phường, thị trấn đang trực tiếp làm nông nghiệp hoặc thuộc hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi.

Trong các đối tượng nêu trên, ưu tiên đào tạo nghề cho người lao động thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, ngư dân.

II. Tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn

a) Việc tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn (bao gồm cả đào tạo nghề nông nghiệp và đào tạo nghề phi nông nghiệp) chủ yếu là dạy thực hành và được thực hiện tại nơi sản xuất. Thời gian đào tạo phải phù hợp với nghề đào tạo, đặc điểm của quy trình sản xuất, quy trình sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi ở từng vùng, từng địa phương và phù hợp với nhu cầu của người học;

b) Các nghề đào tạo cho lao động nông thôn đa dạng, cụ thể, theo nhu cầu của người học và thực tiễn sản xuất; từ đào tạo một công đoạn, một kỹ năng nghề nhất định, đến đào tạo cấp văn bằng, chứng chỉ một cách đầy đủ, toàn diện theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp;

c) Tổ chức lồng ghép, huy động các nguồn lực trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn một cách linh hoạt, phù hợp giữa các đề án, chương trình, nhất là chương trình phổ biến, nâng cao kiến thức khoa học kỹ thuật cho cộng đồng; giữa các chính sách khác nhau, các đối tượng đào tạo, các địa phương; lồng ghép với các vấn đề về giới, về môi trường, văn hóa, xã hội kiến thức kinh doanh linh hoạt, phù hợp với đối tượng người học trong quá trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực;

d) Thu hút các cơ sở có đủ điều kiện tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn, không phân biệt cơ sở công lập hay ngoài công lập. Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp chủ động đào tạo, nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề cho người lao động;

đ) Tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo các mô hình đã thí điểm có hiệu quả; đào tạo nghề tại doanh nghiệp, vùng chuyên canh, xã xây dựng

nông thôn mới, làng nghề. Tiếp tục nhân rộng các mô hình đào tạo nghề có hiệu quả của các Bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, gắn đào tạo nghề với hỗ trợ vốn sản xuất, tạo việc làm cho lao động nông thôn.

III. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức xã

Thực hiện theo chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng và nghiệp vụ cho cán bộ công chức xã theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ và các Bộ ngành Trung ương;

Hàng năm sẽ lựa chọn các nội dung chuyên đề cần thiết gắn với vị trí việc làm và chức danh cán bộ, công chức xã để tổ chức bồi dưỡng chuyên sâu kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế xã hội.

4. Điều chỉnh, bổ sung Khoản IV, Mục C:

“1. Chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho lao động nông thôn

Chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, gồm: Mức hỗ trợ chi phí đào tạo; mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại và tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

Đối tượng là lao động nông thôn, người khuyết tật tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, trong đó ưu tiên người khuyết tật và các đối tượng là người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm, ngư dân; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Người học đăng ký tham gia các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng được lựa chọn nghề học, cơ sở đào tạo. Việc thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo đối với người học được thực hiện thông qua cơ sở đào tạo tổ chức khóa đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

Mỗi người chỉ được hỗ trợ đào tạo một lần theo chính sách quy định tại Quyết định này. Những người đã được hỗ trợ đào tạo theo các chính sách hiện hành khác của Nhà nước thì không được tiếp tục hỗ trợ đào tạo theo chính sách quy định tại Quyết định này. Riêng những người đã được hỗ trợ đào tạo nhưng bị mất việc làm do nguyên nhân khách quan thì Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định tiếp tục hỗ trợ đào tạo để chuyển đổi việc làm theo chính sách quy định tại Quyết định này, nhưng tối đa không quá 03 lần.

2. Mức hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho lao động nông thôn

a) Mức hỗ trợ chi phí đào tạo

- Người khuyết tật: Mức tối đa 06 triệu đồng/người/khóa học;

- Người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Mức tối đa 04 triệu đồng/người/khóa học;

- Người dân tộc thiểu số, người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm, ngư dân: Mức tối đa 03 triệu đồng/người/khóa học;

- Người thuộc hộ cận nghèo: Mức tối đa 2,5 triệu đồng/người/khóa học;

- Người học là phụ nữ, lao động nông thôn không thuộc các đối tượng quy định tại Quyết định này: Mức tối đa 02 triệu đồng/người/khóa học;

- Riêng ngư dân học các nghề: Vận hành tàu vỏ thép, tàu vỏ vật liệu mới, kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm theo công nghệ mới đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên được hỗ trợ 100% chi phí đào tạo và thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ;

- Trường hợp người học đồng thời thuộc các đối tượng vừa nêu trên, chỉ được hưởng một mức hỗ trợ chi phí đào tạo cao nhất;

- Mức chi phí đào tạo cho từng nghề và mức hỗ trợ cụ thể đối với từng đối tượng tham gia học chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng thực hiện theo các quy định hiện hành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Đối với những nghề có chi phí đào tạo thực tế lớn hơn mức hỗ trợ tối đa quy định, các địa phương, cơ sở đào tạo chủ động xây dựng phương án huy động nguồn kinh phí bổ sung từ ngân sách địa phương, hỗ trợ của doanh nghiệp, đóng góp của người học và nguồn huy động, tài trợ hợp pháp khác để bảo đảm chi phí đào tạo.

b) Mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại

- Đối tượng được hỗ trợ: Người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

- Mức hỗ trợ:

+ Mức hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học;

+ Mức hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên;

Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Mức hỗ trợ tiền đi lại 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.

- Ngoài những đối tượng và mức hỗ trợ quy định tại Quyết định này, các địa phương, cơ sở đào tạo tùy điều kiện và khả năng, huy động thêm các nguồn kinh phí khác để hỗ trợ thêm tiền ăn, tiền đi lại cho người học trong thời gian đào tạo.

3. Chính sách đối với cơ sở tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập và ngoài công lập; viện nghiên cứu, trung tâm học tập cộng đồng; trung tâm khuyến nông, lâm, ngư; doanh nghiệp, hợp tác xã, nông trường, lâm trường, trang trại và các cơ

sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ có đủ điều kiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp, được tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn bằng nguồn kinh phí quy định trong Đề án này và được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp đối với giảng viên, giáo viên; kỹ năng dạy học đối với người dạy nghề; nghiệp vụ quản lý dạy nghề cho lao động nông thôn đối với cán bộ quản lý.”

5. Điều chỉnh, bổ sung Khoản V, Mục C:

a) Rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt các cơ sở giáo dục, đào tạo nghề nghiệp công lập cấp huyện.

b) Thu hút các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập và ngoài công lập; viện nghiên cứu; trung tâm khuyến nông, lâm, ngư; doanh nghiệp, hợp tác xã, nông trường, lâm trường, trang trại và các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ có đủ điều kiện tham gia hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

c) Tiếp tục hỗ trợ kinh phí mua sắm thiết bị dạy nghề cho các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện.

d) Tăng cường thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp để nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn.”

6. Điều chỉnh, bổ sung Điểm 1, Khoản VII, Mục C:

Phát triển chương trình, giáo trình, học liệu đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng

- Đổi mới và phát triển chương trình, giáo trình, học liệu đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo yêu cầu của doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và nhu cầu của người học, thường xuyên cập nhật kỹ thuật, công nghệ mới;

- Thu hút các nhà khoa học, nghệ nhân, cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh, các trung tâm khuyến nông, lâm, ngư, nông dân sản xuất giỏi tham gia xây dựng chương trình, giáo trình, học liệu đào tạo nghề cho lao động nông thôn;

- Nội dung chương trình đào tạo trình độ sơ cấp phải được xây dựng và phê duyệt theo đúng quy định hiện hành. Nội dung chương trình đào tạo dưới 03 tháng phải bảo đảm các yêu cầu về kiến thức nghề, kỹ năng nghề và các kiến thức bổ trợ (an toàn lao động, pháp luật lao động, tổ chức liên kết, hợp tác sản xuất, tiêu thụ sản phẩm), có thời gian thực học tối thiểu không dưới 100 giờ thực học để người học có năng lực thực hiện được công việc, vị trí làm việc. Thực hiện lồng ghép các vấn đề về giới, về môi trường, văn hóa xã hội, kiến thức kinh doanh và khởi sự doanh nghiệp trong nội dung chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn.”

7. Điều chỉnh, bổ sung Điểm 2, Khoản I, Mục D:

- Rà soát, cập nhật, bổ sung danh mục nghề đào tạo cho lao động nông thôn;
- Rà soát, xác định nhu cầu đào tạo nghề của lao động nông thôn theo từng nghề, trình độ đào tạo;

- Rà soát, xác định nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo (số lượng, cơ cấu nghề, trình độ đào tạo) của các doanh nghiệp, các ngành kinh tế và thị trường lao động;

- Rà soát, xác định nhu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn để thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới và nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp;

- Rà soát, đánh giá năng lực đào tạo của các cơ sở tham gia đào tạo cho lao động nông thôn về: nghề đào tạo, chương trình, học liệu, giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cơ sở vật chất thiết bị đào tạo để xác định các cơ sở đủ điều kiện tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn.”

8. Điều chỉnh, bổ sung Điểm 6, Khoản I, Mục D:

- Nội dung chủ yếu:

Biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng nghề cho giáo viên dạy trình độ sơ cấp và người dạy nghề: chương trình tài liệu, bồi dưỡng công nghệ mới, chương trình tài liệu bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề, chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp về nghiệp vụ tư vấn đào tạo nghề, tư vấn việc làm, chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức kinh doanh và khởi sự doanh nghiệp đối với lao động nông thôn;”

9. Điều chỉnh, bổ sung Điểm 8, Khoản I, Mục D:

- Nội dung chủ yếu:

Thực hiện cơ chế giám sát của Hội Nông dân tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh về tổ chức dạy nghề cho lao động nông thôn tại xã;”

10. Điều chỉnh, bổ sung Mục E:

- Việc sử dụng kinh phí để tổ chức hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn thực hiện theo cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo theo quy định của Luật Đấu thầu, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

- Huy động thêm nguồn lực của các tổ chức quốc tế, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, cá nhân và cộng đồng để bổ sung cho việc thực hiện Đề án. Các khoản chi phí, hỗ trợ của doanh nghiệp cho đào tạo nghề được tính là các khoản giảm trừ khi tính thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật.

- Các chính sách, chương trình, dự án, đề án khác có hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn sử dụng ngân sách nhà nước, cơ quan chủ trì thực hiện chính sách, chương trình, dự án, đề án ở địa phương phải báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch, kinh phí và chịu trách nhiệm về kết quả, hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn.”

11. Điều chỉnh, bổ sung Tiết a, Điểm 2, Mục G trách nhiệm của Sở Lao động

- Thương binh và Xã hội:

Chủ trì, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về việc tổ chức đào tạo nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn; hướng dẫn và tổ chức nhân rộng các mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

12. Điều chỉnh, bổ sung Tiết b, Điểm 2, Mục G trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về việc tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn:

- + Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng mức chi phí đào tạo cho từng nghề nông nghiệp trong danh mục nghề đào tạo cho lao động nông thôn, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt;

- + Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương xác định nhu cầu, xây dựng kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn hằng năm và từng giai đoạn;

- + Tổng hợp kế hoạch, nhu cầu kinh phí hằng năm và từng giai đoạn về đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp chung;

- + Hướng dẫn nhiệm vụ đào tạo nghề nông nghiệp hằng năm và từng giai đoạn cho các địa phương bảo đảm cân đối chung theo định hướng phát triển của ngành nông nghiệp và nhu cầu đào tạo lao động theo ngành, nghề của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp;

- Chỉ đạo hệ thống khuyến nông gắn kết các hoạt động khuyến nông với hoạt động đào tạo nghề và tổ chức nhân rộng mô hình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn;

- Chỉ đạo, hướng dẫn việc cung cấp các định hướng sản xuất, thông tin thị trường hàng hóa, hỗ trợ việc tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp đến xã;

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: xây dựng cơ chế, chính sách về đào tạo nghề cho lao động nông thôn; dự kiến phân bổ kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn và chịu trách nhiệm về việc chỉ đạo thực hiện nguồn vốn đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức hướng dẫn xây dựng danh mục nghề, chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn;

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; định kỳ 6 tháng, hằng năm, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp.”

13. Điều chỉnh, bổ sung Điểm 2, Mục G:

“k. Ban Dân tộc tỉnh:

- Chỉ đạo việc tổ chức thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất đối với người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc gắn kết với hoạt động đào tạo nghề và tổ chức nhân rộng mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn vùng dân tộc thiểu số;

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan trong việc tổ chức thực hiện các nội dung Đề án này liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của mình;

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, giám sát, tổng hợp nhu cầu, kết quả, hiệu quả đào tạo nghề đối với người dân tộc thiểu số.

1. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh:

Thực hiện cho vay đối với lao động nông thôn học nghề có nhu cầu vay vốn từ chương trình tín dụng học sinh, sinh viên theo quy định hiện hành; thực hiện cho vay vốn ưu đãi đối với lao động nông thôn sau đào tạo nghề để giải quyết việc làm hoặc vay vốn để khởi nghiệp từ Quỹ quốc gia về việc làm theo cơ chế cho vay giải quyết việc làm hiện hành.”

14. Điều chỉnh, bổ sung Điểm 3, Mục G trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Chỉ đạo việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án và chịu trách nhiệm về kết quả, hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn và đào tạo, bồi dưỡng công chức ở huyện;

- Chỉ đạo việc tổ chức thực hiện đào tạo nghề cho người lao động theo cơ chế đặt hàng đào tạo nghề và chịu trách nhiệm trực tiếp về hiệu quả thực hiện nguồn vốn về đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Đề án;

- Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn hằng năm, trong đó xác định cụ thể các nội dung:

- + Xây dựng danh mục nghề đào tạo, kế hoạch đào tạo nghề trên cơ sở nhu cầu học nghề của lao động nông thôn, nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và của thị trường lao động; quy hoạch xây dựng nông thôn mới; nhiệm vụ tái cơ cấu từng ngành, lĩnh vực và giảm nghèo bền vững;

- + Thu hút các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập và ngoài công lập; các viện nghiên cứu, trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm khuyến nông, lâm, ngư, trang trại, nông trường, lâm trường, doanh nghiệp, hợp tác xã và các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ có đủ điều kiện tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo chính sách của Đề án này;

- Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức xã hằng năm;

- Chỉ đạo hệ thống truyền thanh của địa phương có chuyên mục tuyên truyền về đào tạo nghề cho lao động nông thôn;

- Bố trí mỗi huyện có 01 cán bộ chuyên trách ở Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội làm công tác quản lý giáo dục nghề nghiệp;

- Tổ chức tuyên truyền, xây dựng thương hiệu hàng hóa, xây dựng chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm cho lao động nông thôn ở huyện;

- Tổng hợp báo cáo kết quả, hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn, gồm: kết quả, hiệu quả hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo chính sách của Đề án này; kết quả, hiệu quả hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn từ các chính sách, chương trình, dự án, đề án khác; số lượng lao động nông thôn được học nghề, tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động

(doanh nghiệp) theo quy định của Bộ luật Lao động và số lượng lao động nông thôn đào tạo nghề ở các trình độ, tự chi trả học phí;

- Chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát, đôn đốc, kiểm tra và chỉ đạo thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Đề án này và các chính sách, chương trình, dự án, đề án khác có hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn;

- Theo dõi, đôn đốc, tổ chức kiểm tra giám sát việc thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn và định kỳ 6 tháng, hằng năm gửi báo cáo tình hình thực hiện Đề án về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và UBND tỉnh; đồng thời báo cáo tình hình đào tạo nghề nông nghiệp về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND tỉnh.”

15. Điều chỉnh, bổ sung Điểm 4, Mục G:

- Liên đoàn Lao động tỉnh tổ chức lồng ghép các hoạt động tuyên truyền, tư vấn về giáo dục nghề nghiệp trong công nhân lao động và đào tạo nghề trong Đề án này vào các nội dung phù hợp của Đề án “Nâng cao năng lực cơ sở dạy nghề của tổ chức công đoàn đến năm 2020;

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh tổ chức lồng ghép các hoạt động tuyên truyền, tư vấn về giáo dục nghề nghiệp và đào tạo nghề trong Đề án này vào các nội dung phù hợp của Đề án “Hỗ trợ thanh niên học nghề và tạo việc làm;

- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh tổ chức lồng ghép các hoạt động tuyên truyền, tư vấn về giáo dục nghề nghiệp và đào tạo nghề cho lao động nữ trong Đề án này vào các nội dung phù hợp của Đề án “Hỗ trợ phụ nữ học nghề, tạo việc làm”;

- Hội Nông dân tỉnh chủ trì, tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nông dân tham gia học nghề; tư vấn miễn phí về giáo dục nghề nghiệp, việc làm, thành lập doanh nghiệp, trang trại và cơ sở sản xuất, kinh doanh; làm đầu mối tham gia tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với các mô hình nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi; phối hợp cùng với Hội Cựu chiến binh tỉnh thực hiện giám sát việc tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại xã;

- Hội Cựu chiến binh tỉnh chủ trì, tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, vận động cựu chiến binh tham gia học nghề và phối hợp cùng với Hội Nông dân tỉnh thực hiện giám sát việc tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại xã;

- Hội Khuyến học tỉnh tổ chức lồng ghép các hoạt động tuyên truyền, tư vấn về giáo dục nghề nghiệp và đào tạo nghề gắn với xây dựng các mô hình học tập vào các nội dung phù hợp của Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020.”

16. Thay thế các cụm từ trong Đề án:

- Thay “cơ sở dạy nghề” thành “cơ sở giáo dục nghề nghiệp”;

- Thay “trung tâm dạy nghề” thành “trung tâm giáo dục nghề nghiệp” và bỏ cụm từ “trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp”;

- Thay “trường trung cấp nghề thủ công mỹ nghệ” thành “trường trung cấp thủ công mỹ nghệ”;
- Thay “các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề, trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp” thành “các trường cao đẳng, trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường đại học”;
- Thay “cơ sở giáo dục, đào tạo tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn” thành “cơ sở tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn”;
- Thay “có đủ điều kiện dạy nghề cho lao động nông thôn được tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn” thành “có đủ điều kiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp được tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn”;
- Thay “Giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề” thành “Giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp”;
- Thay “giáo viên đi dạy nghề lưu động, thiết bị dạy nghề” thành “giáo viên đi đào tạo lưu động, thiết bị đào tạo”;
- Thay “biên chế chuyên trách về công tác dạy nghề” thành “biên chế chuyên trách về công tác giáo dục nghề nghiệp”;
- Thay “học liệu dạy nghề” thành “học liệu đào tạo”;
- Thay “học liệu dạy nghề trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề thường xuyên” thành “học liệu đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng”;
- Thay “thiết bị dạy nghề” thành “thiết bị đào tạo”;
- Thay “Lao động nông thôn thuộc diện hộ có thu nhập tối đa bằng 150% thu nhập của hộ nghèo” thành “Lao động nông thôn thuộc hộ cận nghèo”;
- Thay “sau khi học nghề” thành “sau khi đào tạo nghề”;
- Thay “hỗ trợ học nghề” thành “hỗ trợ đào tạo nghề”;
- Thay “tham gia học nghề” thành “tham gia đào tạo nghề”;
- Thay “tham gia dạy nghề” thành “tham gia đào tạo nghề”;
- Thay “chất lượng dạy nghề” thành “chất lượng đào tạo”;
- Thay “tư vấn học nghề” thành “tư vấn giáo dục nghề nghiệp”;
- Thay “thời gian học nghề thực tế” thành “thời gian đào tạo thực tế”;
- Thay “các loại hình học nghề” thành “các loại hình đào tạo nghề nghiệp”;
- Thay “dạy nghề theo các mô hình” thành “đào tạo nghề theo các mô hình”;
- Thay “dạy nghề cho lao động nông thôn” thành “đào tạo nghề cho lao động nông thôn”;
- Thay “hỗ trợ chi phí học nghề ngắn hạn (trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới ba tháng)” thành “hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng”;
- Thay “trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề” thành “trình độ trung cấp, cao đẳng”;

- Thay “đào tạo trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng” thành “đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng”;

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2072/QĐ-CTUBND ngày 13/9/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Các đối tượng học nghề và các chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Bình Định đến năm 2020 sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này được thực hiện kể từ ngày các Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015, số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 và số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVPNN;
- Lưu: VT, K20

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh